MUCA TRANSPORTATION

Bảng giá dịch vụ đưa đón và tham quan | Đơn vị: VNĐ

TUYẾN ĐƯỜNG	SỐ LƯỢT	XE 4 CHỖ GIÁ BÁN	XE 7 CHỖ GIÁ BÁN	XE 16 CHỖ GIÁ BÁN	THỜI GIAN CHỜ THAM QUAN
Đón, tiễn (sân bay hoặc ga Đà Nẵng) – Hội An	1 lượt	350.000	400.000	600.000	
Đón, tiễn (sân bay hoặc ga Đà Nẵng) – Hội An (10:30 PM – 5:00 AM)	1 lượt	400.000	500.000	800.000	
Đưa, đón từ InterContinental Đà Nẵng về Hội An	1 lượt	600.000	700.000	1.000.000	
Đưa, đón (sân bay/ga Đà Nẵng) về Hội An, tham quan Bảo tàng Chăm hoặc Ngũ Hành Sơn	1 lượt	450.000	600.000	900.000	1–2 tiếng
Hội An – Ngũ Hành Sơn – Hội An	2 lượt	700.000	800.000	1.100.000	
Hội An – Mỹ Sơn – Hội An	2 lượt	750.000	900.000	1.200.000	2 tiếng
Hội An – Mỹ Sơn – tiễn sân bay/ga Đà Nẵng	1 lượt	950.000	1.200.000	1.500.000	2 tiếng
Hội An – Chân Bà Nà	1 lượt	700.000	800.000	1.100.000	
Hội An – Bà Nà – Hội An	2 lượt	1.200.000	1.300.000	1.800.000	4 tiếng
Hội An – Bà Nà – Đà Nẵng	2 lượt	1.100.000	1.200.000	1.500.000	4 tiếng
Hội An – Vinpearl Nam Hội An	1 lượt	300.000	400.000	600.000	
Hội An – Vinpearl Nam Hội An (không lưu xe)	2 lượt	600.000	700.000	1.000.000	Hẹn giờ về lại
Hội An – Tam Kỳ (nửa ngày, về trước 12:00)	2 lượt	1.000.000	1.100.000	1.500.000	2 tiếng
Hội An – Tam Kỳ (1 ngày, về trước 18:00)	2 lượt	1.700.000	1.900.000	2.400.000	6 tiếng
Hội An – Huế	1 lượt	1.800.000	2.000.000	2.500.000	
Hội An – Huế	2 lượt	2.800.000	2.800.000	4.100.000	10 tiếng
Hội An – Mỹ Sơn – Huế	1 lượt	2.800.000	2.900.000	4.000.000	2 tiếng
Hội An – Hải Vân – Lăng Cô – Hội An	2 lượt	1.900.000	2.100.000	2.500.000	6 tiếng
Hội An – Núi Thần Tài	1 lượt	850.000	1.000.000	1.400.000	
Hội An – Núi Thần Tài	2 lượt	1.300.000	1.700.000	2.000.000	4 tiếng
Hội An – Mỹ Lai (Quảng Ngãi)	2 lượt	2.000.000	2.400.000	2.800.000	4 tiếng
Hội An – Quảng Ngãi/Sa Kỳ	1 lượt	1.600.000	1.750.000	2.000.000	
Hội An – Quy Nhơn	1 lượt	4.500.000	5.000.000	6.000.000	